

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 28/2018/KIB-VHC

Bình Thuận, ngày 23 tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO

Về việc thay đổi, bổ sung mẫu nhãn

Kính gửi: **Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế Bình Thuận**

Công ty cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) gửi lời cảm ơn đến sự hỗ trợ của Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế Bình Thuận (“Quý cơ quan”) trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA – VĨNH HẢO đã được Quý cơ quan cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy số 61/2016/ATTPBTh_TNCB ngày 22/09/2017. (đính kèm)

Bằng Công văn này theo Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP Công ty chúng tôi thông báo về việc bổ sung thông tin vào mục 7.9 Thông tin khác về sản phẩm trong Bản thông tin chi tiết, mẫu nhãn và điều chỉnh một số thông tin trên mẫu nhãn, cụ thể:

- Bổ sung nội dung:
 - + Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.
 - + Sản xuất tại Việt Nam
- Điều chỉnh nội dung:
 - + Thể tích thực ở 20 °C: 500 ml

Chất lượng sản phẩm và các nội dung ghi nhãn bắt buộc khác trong hồ sơ công bố giữ nguyên không đổi.

Đính kèm thông báo này là các mẫu nhãn bổ sung. Chân thành cảm ơn Quý cơ quan hỗ trợ tiếp nhận và lưu trữ thông tin sản phẩm, tạo điều kiện cho Công ty sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT.



Nguyễn Trọng Hiền

209 mm

203 mm



62 mm

BGNN00083



SINCE 1928

VINH HẢO

CARBONATED
NATURAL MINERAL WATER

Nước Khoáng Cơ Thể Bạn Yêu Thích

Từ năm 1928, các nhà khoa học Pháp đã phát hiện và công bố ra thế giới giá trị quý hiếm của nguồn nước khoáng thiên nhiên Vĩnh Hảo.

Uống nước khoáng Vĩnh Hảo giúp bổ sung khoáng chất từ thiên nhiên cơ thể cần mỗi ngày, cho bạn khỏe khoắn và tươi mới, từ trong ra ngoài.

Thể tích thực ở 20 °C: 500 ml



SINCE 1928

VINH HẢO

NƯỚC KHOÁNG
THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA

NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA - VINH HẢO

THÀNH PHẦN:
Nước khoáng thiên nhiên,
CO₂ thực phẩm (290)

Chỉ tiêu chất lượng trung bình

Bicarbonate	HCO ₃ ⁻	2400 mg/l
Sodium	Na ⁺	800 mg/l
Potassium	K ⁺	25 mg/l
Calcium	Ca ²⁺	35 mg/l
Magnesium	Mg ²⁺	10 mg/l
Fluoride	F ⁻	>1 mg/l
Iod	I ⁻	0,05 mg/l
TDS		1900 mg/l
pH		7
Có chứa fluoride.		

Tiết trùng bằng tia cực tím, nạp khí CO₂

Hướng dẫn sử dụng: Uống ngon hơn khi ướp lạnh

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh

Sản phẩm không sử dụng cho trẻ em dưới 7 tuổi.



Sản xuất theo bản công bố sản phẩm
Số TNCB: 61/2016/ATTPBTH-TNCB
Số TCCS: 02/2016/VH13

Sản phẩm chỉ dùng để uống
Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo
Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo,
huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận,
Việt Nam
Đóng chai tại nguồn nước khoáng Vĩnh Hảo,
xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận
Tư vấn khách hàng: 1800 6068
NSX: xem trên bao bì
Sử dụng tốt nhất trước: 09 tháng kể từ NSX
Sản xuất tại Việt Nam
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Nước Khoáng Cơ Thể Bạn Yêu Thích

Từ năm 1928, các nhà khoa học Pháp đã phát hiện và công bố ra thế giới giá trị quý hiếm của nguồn nước khoáng thiên nhiên Vĩnh Hảo.

Uống nước khoáng Vĩnh Hảo giúp bổ sung khoáng chất từ thiên nhiên cơ thể cần mỗi ngày, cho bạn khỏe khoắn và tươi mới, từ trong ra ngoài.

Thể tích thực ở 20 °C: 500 ml



NƯỚC KHOÁNG
THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA

NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA - VINH HẢO

THÀNH PHẦN:
Nước khoáng thiên nhiên,
CO₂ thực phẩm (290)

Chỉ tiêu chất lượng trung bình

Bicarbonate	HCO ₃ ⁻	2400 mg/l
Sodium	Na ⁺	800 mg/l
Potassium	K ⁺	25 mg/l
Calcium	Ca ²⁺	35 mg/l
Magnesium	Mg ²⁺	10 mg/l
Fluoride	F ⁻	>1 mg/l
Iod	I ⁻	0,05 mg/l
TDS		1900 mg/l
pH		7

Có chứa fluoride.

CARBONATED
NATURAL MINERAL WATER

Tiết trùng bằng tia cực tím, nạp khí CO₂

Hướng dẫn sử dụng: Uống ngon hơn khi ướp lạnh

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh

Sản phẩm không sử dụng cho trẻ em dưới 7 tuổi.

Sản phẩm chất lượng của



Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo

Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo,
huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Đóng chai tại nguồn nước khoáng Vĩnh Hảo,
xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

NSX: xem trên bao bì

Sử dụng tốt nhất trước: 09 tháng kể từ NSX

Sản xuất tại Việt Nam

Sản xuất theo bản công bố sản phẩm

Số TNCB: 61/2016/ATTPBTH-TNCB

Số TCCS: 02/2016/VH13

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH THUẬN
CHI CỤC AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM

Số: 61/2016/ATTPBTh -TNCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 22 tháng 9 năm 2016

GIẤY TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xác nhận đã nhận Bản công bố hợp quy của:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Địa chỉ: Vĩnh Sơn - Vĩnh Hảo - Tuy Phong - Bình Thuận

Điện thoại: 062.385.2069 Email:

Cho sản phẩm: Nước khoáng thiên nhiên bổ sung ga - Vĩnh Hảo

Do Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo tại địa chỉ: Vĩnh Sơn - Vĩnh Hảo - Tuy Phong - Bình Thuận

Sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số: QCVN 6-1:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

Bản thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của Công ty, không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Công ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố.

Định kỳ 05 năm tổ chức, cá nhân phải thực hiện lại việc đăng ký bản công bố hợp quy.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo;
- Lưu: ĐK&CNSP.

CHI CỤC TRƯỞNG



Võ Dương Đức

Tên cơ sở : **Công ty CP nước khoáng Vĩnh Hảo**

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Sơn – Vĩnh Hảo – Tuy Phong – Bình Thuận

Điện thoại: 062.3852069

HỒ SƠ CẤP GIẤY TIẾP NHẬN BẢN
CÔNG BỐ HỢP QUY
NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỒ SUNG GA – VĨNH HẢO

Thành phần hồ sơ

1. Bản công bố hợp quy
2. Bản thông tin chi tiết sản phẩm
3. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm
4. Kế hoạch kiểm soát chất lượng
5. Kế hoạch giám sát định kỳ
6. Báo cáo đánh giá hợp quy
7. Giấy kiểm định bao bì chai PET , chai thủy tinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 02:2016/VH13

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: (062) 385 2069

Fax: (062) 385 2019

CÔNG BỐ

Sản phẩm: **NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA – VĨNH HẢO**

Xuất xứ: Sản xuất tại:

E: Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo

Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai được ban hành theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y Tế.

Phương thức đánh giá sự phù hợp: phương thức 1 – Thử nghiệm mẫu điển hình

Chúng tôi xin cam kết thực hiện chế độ kiểm tra và kiểm nghiệm định kỳ theo quy định hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố.

Bình Thuận, ngày 22 tháng 09 năm 2016

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Nguyễn Trọng Hiền

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH THUẬN	NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN	TCCS số 02:2016/VH13
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO	NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA – VĨNH HẢO	Có hiệu lực từ ngày tháng năm 2016

1. Yêu cầu kỹ thuật:**1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:**

- Trạng thái: Dạng lỏng, trong, không cặn.
- Màu sắc: Không màu
- Mùi, vị: Đặc trưng của nước khoáng thiên nhiên, không có mùi vị lạ

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	pH		5,6–8,4
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1520– 2280
3	Hàm lượng bicarbonate(HCO_3^-)	mg/l	1920 – 2880
4	Hàm lượng sodium (Na)	mg/l	640 – 960
5	Hàm lượng potassium (K)	mg/l	20 – 30
6	Hàm lượng calcium (tính theo calci)	mg/l	28–42
7	Hàm lượng magnesium (tính theo Mg)	mg/l	8–12
8	Hàm lượng iod	mg/l	0,04 – 0,06
9	Hàm lượng CO_2	g/l	2,4–6,5
10	Hàm lượng Fluoride	mg/l	>1

1.3. Các chỉ tiêu hóa học (áp dụng theo QCVN 6-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai, ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y Tế):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng stibi	mg/l	0,005
2	Hàm lượng arsen, tính theo arsen tổng số	mg/l	0,01
3	Hàm lượng bari	mg/l	0,7
4	Hàm lượng borat, tính theo Bor	mg/l	5
5	Hàm lượng cadmi	mg/l	0,003
6	Hàm lượng crom, tính theo crom tổng số	mg/l	0,05
7	Hàm lượng đồng	mg/l	1

8	Hàm lượng cyanid	mg/l	0,07
9	Hàm lượng chì	mg/l	0,01
10	Hàm lượng mangan	mg/l	0,4
11	Hàm lượng thủy ngân	mg/l	0,001
12	Hàm lượng nickel	mg/l	0,02
13	Hàm lượng nitrat, tính theo ion nitrat	mg/l	50
14	Hàm lượng nitrit, tính theo ion nitrit	mg/l	0,1
15	Hàm lượng selen	mg/l	0,01

^{a)} Ghi thông tin trên nhãn sản phẩm theo QCVN 6-1:2010/BYT đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

1.4. Các chỉ tiêu vi sinh vật (áp dụng theo QCVN 6-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai, ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y Tế):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	<i>Escherichia coli</i>	CFU/250 ml	0
2	Coliforms tổng số	CFU/ 250 ml	0
3	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/250 ml	0
4	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/250 ml	0
5	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	CFU/50 ml	0

2. Thành phần cấu tạo:

Nước khoáng thiên nhiên, CO₂ thực phẩm (290)

3. Thời hạn sử dụng:

NSX: xem trên bao bì

Sử dụng tốt nhất trước: Chai PET: 09 tháng kể từ NSX. Chai thủy tinh: 12 tháng kể từ NSX.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

4.1. Hướng dẫn sử dụng:

Uống ngon hơn khi ướp lạnh.

4.2. Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

4.3. Cảnh báo vệ sinh, an toàn

Sản phẩm có chứa fluoride.

Sản phẩm không sử dụng cho trẻ em dưới 7 tuổi.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

Bao bì: làm bằng chất liệu đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế

10178
HÔNG
CỔ PH
ỐC KH
INH
HÔNG-T

V. T. T.
CỤC
TOÀN
SINH
PHẨM
H. TH

- Chai: nhựa PET
- Nắp: nhựa HDPE
- Thể tích thực: 500 ml
- Chai: thủy tinh
- Nắp: vỏ thiếc, liner (bên trong) PVC
- Thể tích thực: 450 ml

6. Quy trình sản xuất: Phụ lục 1

7. Nội dung ghi nhãn: Ghi nhãn theo Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT

7.1. Tên sản phẩm: NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA – VINH HẢO

7.2. Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên, CO₂ thực phẩm (290)

7.3. Thể tích thực: 500 ml (Chai PET); 450ml (Chai thủy tinh).

7.4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Uống ngon hơn khi ướp lạnh
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

7.5. Ngày sản xuất và thời hạn sử dụng:

NSX: Xem trên bao bì.

Sử dụng tốt nhất trước: Chai PET: 09 tháng kể từ NSX. Chai thủy tinh: 12 tháng kể từ NSX.

7.6. Sản xuất theo bản công bố sản phẩm

Số TNCB: /2016/ATTPBTh - TNCB

Số TCCS: 02:2016/VH13

7.7. Sản phẩm chất lượng của (logo Vinh Hảo)

Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vinh Hảo

Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

7.8. Chỉ tiêu chất lượng trung bình:

Bicarbonate	HCO ₃ ⁻	2400	mg/l
Sodium	Na ⁺	800	mg/l
Potassium	K ⁺	25	mg/l
Calcium	Ca ²⁺	35	mg/l
Magnesium	Mg ²⁺	10	mg/l
Fluoride	F ⁻	> 1	mg/l
Iod	I ⁻	0,05	mg/l
TDS		1900	mg/l
pH		7	

402
TY
IÂN
OẢN
HẢO
BÌNH

7.9. Thông tin khác về sản phẩm

- Có chứa fluoride
- Sản phẩm không sử dụng cho trẻ em dưới 7 tuổi
- Tiết trùng bằng tia cực tím, nạp khí CO₂
- Đóng chai tại nguồn nước khoáng Vĩnh Hảo, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
- Nước Khoáng Cơ Thể Bạn Yêu Thích
- Từ năm 1928, các nhà khoa học Pháp đã phát hiện và công bố ra thế giới giá trị quý hiếm của nguồn nước khoáng thiên nhiên Vĩnh Hảo.
- Uống nước khoáng Vĩnh Hảo giúp bổ sung khoáng chất từ thiên nhiên cơ thể cần mỗi ngày, cho bạn khỏe khoắn và tươi mới, từ trong ra ngoài.

8. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo

Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: (062) 385 2069

Fax: (062) 385 2019

Bình Thuận, ngày 02 tháng 09 năm 2016

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

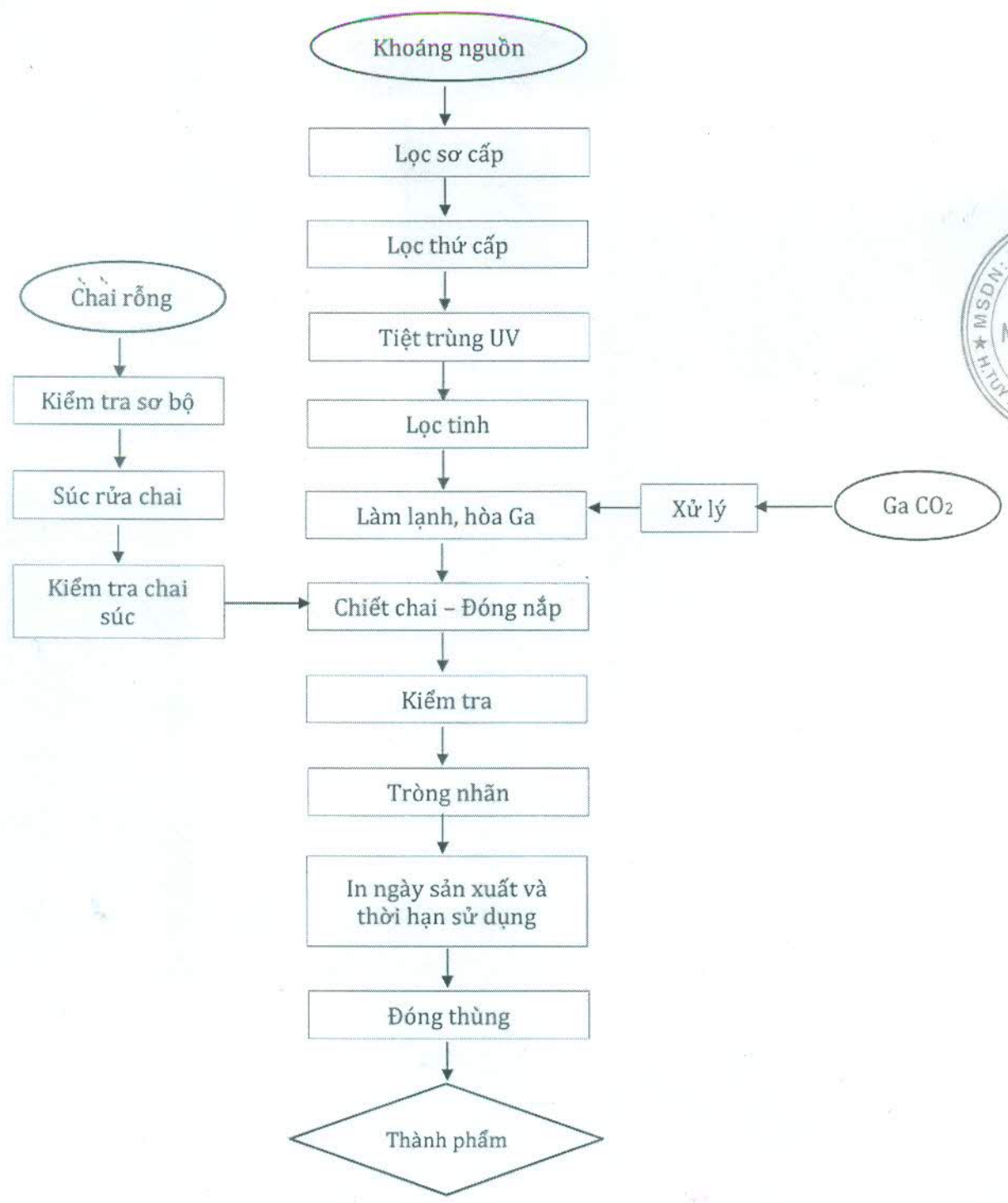


Nguyễn Trọng Hiền
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHỤ LỤC 1

QUY TRÌNH SẢN XUẤT NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA – VĨNH HẢO



Hình: Quy trình sản xuất Nước khoáng thiên nhiên bổ sung ga – Vĩnh Hảo

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Quy trình sản xuất sản phẩm Nước khoáng thiên nhiên bổ sung ga – Vĩnh Hào được tiến hành qua các công đoạn sau:

- Nước khoáng nguồn Vĩnh Hào được bơm từ các giếng nước khoáng, rồi chứa vào các bồn chứa nước khoáng nguồn.
- Nước khoáng nguồn này tiếp tục cho qua các hệ thống lọc sơ cấp, lọc thứ cấp rồi đưa qua hệ thống tiệt trùng bằng tia cực tím (tia UV), lọc tinh, sau đó cấp cho hệ thống làm lạnh hòa ga và qua máy chiết rót.
- Trước khi chiết rót bao bì chai PET đã được súc rửa và khử trùng rồi cấp cho máy chiết rót.
- Qua khỏi máy chiết rót, Nước khoáng thiên nhiên bổ sung ga – Vĩnh Hào được chuyển qua máy vận đóng nắp chai và tiếp tục chuyển sang khu vực hoàn thiện chất lượng sản phẩm, ghi ngày sản xuất, hạn sử dụng, dán nhãn, phóng màng co để được thành phẩm Nước khoáng thiên nhiên bổ sung ga – Vĩnh Hào.

Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hào

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hào, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: (062) 385 2069

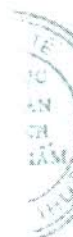
Fax: (062) 385 2019



KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

Sản phẩm: NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA – VĨNH HẢO

TT	Tên chỉ tiêu cần kiểm tra	Thời gian kiểm tra	Dự kiến cơ quan kiểm tra
	Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu		
1	pH		
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)		
3	Hàm lượng bicarbonat (HCO_3^-)		
4	Hàm lượng natri (Na)		
5	Hàm lượng kali (K)		
6	Hàm lượng calci (tính theo calci)		
7	Hàm lượng magne (tính theo Mg)		
8	Hàm lượng iode		
9	Hàm lượng CO_2		
10	Hàm lượng fluoride	01 lần/ năm	
	Các chỉ tiêu vi sinh vật	Phù hợp quy định Điều 13	
11	Coliform tổng số	Thông tư số	
12	<i>Escherichia coli</i>	19/2012/TT-	
13	<i>Streptococci faecal</i>	BYT đối với sản phẩm của cơ sở có một trong các chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; GMP, HACCP, ISO 22000 hoặc tương đương.	Phòng kiểm nghiệm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm độc lập được công nhận.
14	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>		
15	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfat		
	Các chỉ tiêu hóa học		
16	Hàm lượng stibi		
17	Hàm lượng arsen, tính theo arsen tổng số		
18	Hàm lượng bari		
19	Hàm lượng borat, tính theo Bor		
20	Hàm lượng cadmi		
21	Hàm lượng crom, tính theo crom tổng số		
22	Hàm lượng đồng		
23	Hàm lượng cyanid		
24	Hàm lượng chì		
25	Hàm lượng mangan		
26	Hàm lượng thủy ngân		
27	Hàm lượng nickel		
28	Hàm lượng nitrat, tính theo ion nitrat		
29	Hàm lượng nitrit, tính theo ion nitrit		
30	Hàm lượng selen		



Bình Thuận, ngày 22 tháng 09 năm 2016

Đại diện tổ chức, cá nhân



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Hiền

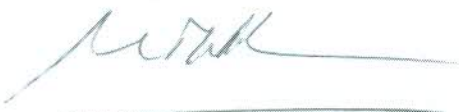


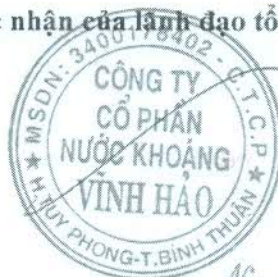
**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ HỢP QUY**

1. Ngày đánh giá:
2. Địa điểm đánh giá: Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo
Tên sản phẩm: NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BƠ SUNG GA – VĨNH HẢO
Số hiệu tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 6-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai được ban hành theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y Tế.
3. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm: Viện Y tế công cộng TP.HCM
4. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:
 - Kết quả thử nghiệm của Viện Y Tế Công Cộng TPHCM – Bộ Y Tế cho thấy sản phẩm NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BƠ SUNG GA – VĨNH HẢO đạt yêu cầu.
 - Quá trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ theo Kế hoạch kiểm soát chất lượng; sản phẩm đã được đánh giá đảm bảo chất lượng trong quá trình sử dụng; thiết bị máy móc được kiểm tra bảo dưỡng đầy đủ; tuân thủ việc thực hiện khám sức khỏe định kỳ và tập huấn kiến thức An toàn thực phẩm cho cán bộ công nhân viên.
5. Các nội dung khác (nếu có): Phương thức đánh giá: Phương thức 1 – Thử nghiệm mẫu điển hình.
6. Kết luận:
 - ☒ Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.
 - ☐ Sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

Người đánh giá

Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân


Nguyễn Hải Phan




Nguyễn Trọng Hiền

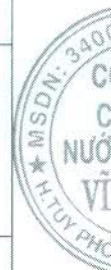
Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hào

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hào, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm: NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA – VĨNH HẢO

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/Cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
KS1	- Nắp, chai: + Chủng loại + Độ sạch	Theo quy định từng loại bao bì của công ty	Khi đưa vào sản xuất và trong quá trình sản xuất	Dụng cụ kiểm tra bao bì Đánh giá ngoại quan	Quy định KCS	Sổ kiểm soát vật tư nhập	
KS2	Chlorine	3 – 7 ppm	2 giờ/lần	Máy so màu	MSI/HD-TN/MT002	Biểu mẫu kiểm soát vệ sinh chai	
KS3	- Mùi ga CO ₂	Không có mùi lạ	Trước khi nhập	Cảm quan	QĐ KCS	Sổ tay kiểm soát vật tư nhập	
KS4	- Cặn CO ₂ sau khi qua lọc	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Đánh giá ngoại quan	QĐ KCS	Sổ tay KCS trước đóng nắp	



KS5	1. pH 2. TDS 3. HCO_3^- 4. Ca^{2+} 5. Mg^{2+} 6. Cl^- 7. HSiO_3^{3-} 8. $\text{Fe}^{2+,3+}$ 9. Độ cứng 10. Hợp chất hữu cơ	Theo tiêu chuẩn nội bộ	1 tuần/ lần hoặc trước khi sản xuất lại	- Máy đo pH - Máy đo TDS - Dụng cụ chuẩn độ - Dụng cụ chuẩn độ - Dụng cụ chuẩn độ - Dụng cụ chuẩn độ - Máy so màu - Máy so màu - Dụng cụ chuẩn độ - Dụng cụ chuẩn độ	Quy định phân tích hóa lý	Sổ tay phân tích nước nguồn	Khoáng nguồn
	- Vi khuẩn hiếu khí - <i>E.coli</i> - Coliform - Nấm mốc – nấm men - <i>Pseudomonas aeruginosa</i> - <i>Streptococci faecal</i> - Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	Theo tiêu chuẩn nội bộ	1 tuần/ lần hoặc trước khi sản xuất lại	Môi trường PCA Môi trường TCC Môi trường TCC Môi trường DRBC Môi trường Pseudomonas Agar Môi trường Stanetz và bartley Môi trường TSC	TCVN 4884:2005 TCVN 6187-1:2009 TCVN 6187-1:2009 TCVN 8275-1:2010 ISO 16266:2006 TCVN 6189-2:2009 TCVN 6191-2:1996	Sổ tay phân tích vi sinh	
KS6	1. pH 2. TDS 3. HCO_3^- 4. Ca^{2+} 5. Mg^{2+} 6. Cl^- 7. HSiO_3^{3-} 8. $\text{Fe}^{2+,3+}$ 9. Độ cứng 10. Hợp chất hữu cơ	Theo tiêu chuẩn nội bộ	- 4 giờ/lần với các chỉ tiêu 1, 2,4,5. - Các chỉ tiêu còn lại: 12h/lần	Máy đo pH Máy đo TDS Dụng cụ chuẩn độ Dụng cụ chuẩn độ Dụng cụ chuẩn độ Dụng cụ chuẩn độ Máy so màu Máy so màu Dụng cụ chuẩn độ Dụng cụ chuẩn độ	Quy định phân tích hóa lý	Sổ tay phân tích hóa lý có ga	Thành phẩm
	- Vi khuẩn hiếu khí - <i>E.coli</i> - Coliform	Theo tiêu chuẩn nội bộ	12 giờ/1 lần	Môi trường PCA Môi trường TCC Môi trường TCC Môi trường DRBC	TCVN 4884:2005 TCVN 6187-1:2009 TCVN 6187-1:2009 TCVN 8275-1:2010	Sổ tay phân tích vi sinh	

178402
NG TY
PHÂN
KHOẢN
H HẠ
(G-T.BINH)

	- Nấm mốc – nấm men - <i>Pseudomonas aeruginosa</i> - <i>Streptococci faecal</i> - Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit			Môi trường Pseudomonas Agar Môi trường Stanetz và bartley Môi trường TSC	ISO 16266:2006 TCVN 6189-2:2009 TCVN 6191-2:1996		
KS7	- Hàm lượng ga CO₂ - Nhiệt độ chiết - Lực mở nắp - Thể tích chai - Thông tin in	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Máy đo CO ₂ Nhiệt kế Dụng cụ đo Dụng cụ đo	Quy định KCS	Sổ tay KCS sau đóng nắp	
KS8	- Cặn tạp - Màng co - Nhãn dán - Thùng giấy	Không được có Đạt 100% Đúng với chủng loại Đúng với chủng loại	Theo tiêu chuẩn nội bộ	Đánh giá ngoại quan	Quy định KCS	Sổ tay KCS sau đóng nắp	
KS9	- Độ nguyên vẹn	Đạt 100%	Trước khi xuất hàng	Đánh giá ngoại quan	Quy định KCS	Sổ tay KCS sau đóng nắp	

Bình Thuận, ngày 22 tháng 09 năm 2016

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Nguyễn Trọng Hiền



NHÃN PHÁC THẢO

NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỎ SUNG GA – VĨNH HẢO

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên, CO₂ thực phẩm (290)

Thể tích thực: 500 ml (Chai PET); 450ml (Chai thủy tinh).

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Uống ngon hơn khi ướp lạnh
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh

Ngày sản xuất và thời hạn sử dụng:

NSX: xem trên bao bì

Sử dụng tốt nhất trước: Chai PET: 09 tháng kể từ NSX. Chai thủy tinh: 12 tháng kể từ NSX.

Sản xuất theo bản công bố sản phẩm

Số TNCB: /2016/ATTPBTh - TNCB

Số TCCS: 02:2016/VH13

Sản phẩm chất lượng của (logo Vĩnh Hào)

Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hào

Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hào, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Tư vấn khách hàng: 1800 6068



Chỉ tiêu chất lượng trung bình:

Bicarbonate	HCO_3^-	2400	mg/l
Sodium	Na^+	800	mg/l
Potassium	K^+	25	mg/l
Calcium	Ca^{2+}	35	mg/l
Magnesium	Mg^{2+}	10	mg/l
Fluoride	F^-	> 1	mg/l
Iod	I^-	0,05	mg/l
TDS		1900	mg/l
pH		7	
Có chứa fluoride			

- Sản phẩm không sử dụng cho trẻ em dưới 7 tuổi
- Tiệt trùng bằng tia cực tím, nạp khí CO_2
- Đóng chai tại nguồn nước khoáng Vĩnh Hảo, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
- Nước Khoáng Cơ Thể Bạn Yêu Thích
- Từ năm 1928, các nhà khoa học Pháp đã phát hiện và công bố ra thế giới giá trị quý hiếm của nguồn nước khoáng thiên nhiên Vĩnh Hảo.
- Uống nước khoáng Vĩnh Hảo giúp bổ sung khoáng chất từ thiên nhiên cơ thể cần mỗi ngày, cho bạn khỏe khoắn và tươi mới, từ trong ra ngoài.
- Đóng chai tại nguồn nước khoáng Vĩnh Hảo xã Vĩnh Hảo – huyện Tuy Phong – Bình Thuận





200

86

Nước Khoáng Cơ Thể Bạn Yêu Thích

Từ năm 1928, các nhà khoa học Pháp đã phát hiện và công bố giá trị quý hiếm của nguồn nước khoáng thiên nhiên Vinh Hào.

Uống nước khoáng Vinh Hào giúp bổ sung khoáng chất từ thiên nhiên cơ thể cần mỗi ngày, cho bạn khỏe khoắn và tươi mới, từ trong ra ngoài.

Thể tích thực: 450 ml



SINCE 1928
VINH HAO

**NƯỚC KHOÁNG
THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA**

**NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN
BỔ SUNG GA - VINH HAO**

THÀNH PHẦN:
Nước khoáng thiên nhiên
CO₂ thực phẩm (290)

Chỉ tiêu chất lượng trung bình

Bicarbonate	HCO ₃ ⁻	2400 mg
Sodium	Na ⁺	800 mg
Potassium	K ⁺	25 mg
Calcium	Ca ²⁺	88 mg
Magnesium	Mg ²⁺	10 mg
Fluoride	F ⁻	>1 mg
Iod	I ⁻	0,05 mg
TDS		1900 mg
pH		7

Có chứa fluoride.

Tiết trùng bằng tia cực tím, nạp khí CO₂

Hướng dẫn sử dụng: Uống ngon hơn khi ướp lạnh

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh

Sản phẩm không sử dụng cho trẻ em dưới 7 tuổi.



Sản phẩm theo bản công bố sản phẩm
có TNCB: 7/2016/AT-TPC (T. B. PHONG)
có TNCB: 02/2016/AT-TPC

Sản phẩm chứa lượng nhỏ CO₂
Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vinh Hào
Thị trấn Vinh Sơn, xã Vinh Sơn,
huyện Tuyên Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
Đóng chai tại nguồn nước khoáng Vinh Hào,
xã Vinh Hào, huyện Tuyên Phong, tỉnh Bình Thuận
Tài sản khách hàng: 800 698
Mô tả sản phẩm: Sản phẩm
sử dụng tốt nhất trước 12 tháng kể từ ngày



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
ISO/IEC 17025:2005 - ISO 9001: 2008

Head Office: 04 Nguyen Hoi Street, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0623 822390 Fax: 0623 822390 Website : Chicuetdebinhthuan.gov.vn

Số: 16093241

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/Date: 16/09/2016

Trang/Page: 1/1

Nơi gửi mẫu/ Client: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Địa chỉ/ Address: THÔN VĨNH SƠN, XÃ VĨNH HẢO, HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 12/09/2016

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 16/09/2016

Tên mẫu/ Sample name: BAO BÌ CHAI THỦY TINH 450ML

Mô tả mẫu/ Sample description: Chai thủy tinh

Số lượng/ Quantity: 01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
01	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	0,22	0,5	TCVN 7146-1:2002
02	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	0,6	1,5	TCVN 7146-1:2002

GHTĐCP: Giới hạn tối đa cho phép

Nhận xét: Theo Quy chuẩn QCVN 12-4:2015/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm".

Mẫu bao bì chai thủy tinh trên có các chỉ tiêu đã kiểm nằm trong mức giới hạn cho phép đối với bao bì chai thủy tinh lòng sâu dùng để chứa đựng dung tích nhỏ hơn 600ml.

TRƯỞNG PHÒNG
Head of laboratory

Nguyễn Thành Tín

GIÁM ĐỐC
Director

Lương Đình Quát

Ghi chú/Remark:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/This test report is valid to the following sample(s)
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation). Hết thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng/ When sample storing period expire, Technical Center of standards metrology and quality doesn't take responsibility for anything of complaint
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (*) Phương pháp được VILAS công nhận/Methods approved by VILAS.
- LOD: Giới hạn phát hiện/Detection limit, KPH: Không phát hiện/ Not detected.



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 09144.16



Tên khách hàng/ Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Địa chỉ/ Address: THÔN VĨNH SƠN, XÃ VĨNH HẢO, HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN
VINH SON HAMLET, VINH HAO COMMUNE, TUY PHONG DISTRICT, BINH THUAN PROVINCE.

Tên mẫu/ Sample: NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỔ SUNG GA - VĨNH HẢO (1)

Ngày lấy mẫu/ Date of sample collecting: 06/06/2016/ June 06th, 2016

Lượng mẫu/ Quantity of sample: 06 chai x 450 mL/ 06 bottles x 450 mL

Ngày nhận mẫu/ Date of sample receiving: 06/06/2016/ June 06th, 2016

Người gửi mẫu/ Sample sender: Lam Ngoc Le

Người nhận mẫu/ Sample receiver: Xuan Diem Thi Nguyen

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

Sample's storing period: 05 days from the date which test report is issued

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Ngày kiểm nghiệm Testing date
1	pH	TCVN 6492 - 2011 (b)	5.95	June 07 th , 2016
2	Calci (tính theo Calci) Calcium	SMEWW 3500 - Ca B - 2012 (a)	32.06 mgCalci/L	June 10 th , 2016
3	Magne (tính theo Mg) Magnesium	SMEWW 3500 - Mg B - 2012 (a)	8.26 mgMg/L	June 10 th , 2016
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids	SMEWW 2540 C - 2012	2120.10 mg/L	June 14 th , 2016
5	Bicarbonat (HCO ₃ ⁻) Bicarbonate	SMEWW 2320 B - 2012	1960.00 mg/L	June 10 th , 2016
6	CO ₂ tự do Free Carbon dioxide	SMEWW 4500 - CO ₂ C - 2012	4.40 g/L	June 10 th , 2016
7	Iod Iodine	SMEWW 4500 - I B - 2012	0.05 mg/L	June 10 th , 2016
8	Kali (K) Potassium	HD.PP.19/TT.AAS -Ref. SMEWW 3120B - 2012	28.70 mg/L	June 08 th , 2016
9	Natri (Na) Sodium	HD.PP.19/TT.AAS -Ref. SMEWW 3120B - 2012	835.00 mg/L	June 08 th , 2016

Ghi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

This test result is valid for the sample only.

- Quả thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

The Institute of Public Health will not be responsible for any customer's complaints after this sample's storing period is expired.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025 : 2005.

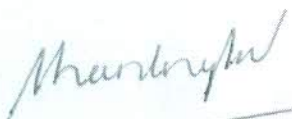
(a) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025 : 2005.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

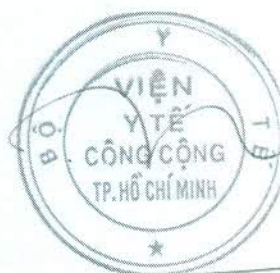
(b) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025 : 2005 and is appointed by Ministry of Health, Ministry of Industry circular 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
HEAD OF TESTING DEPARTMENT**

Ho Chi Minh City, June 16th, 2016
KT. **VIỆN TRƯỞNG**
✓ **DIRECTOR**



Th.s. Phan Long Hồ



Phùng Đức Nhật



Số/Nº: 010319 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Sample code: 09145.16



Tên khách hàng/ Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
Địa chỉ: THÔN VĨNH SƠN, XÃ VĨNH HẢO, HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN
Address: VINH SON HAMLET, VINH HAO COMMUNE, TUY PHONG DISTRICT, BINH THUAN PROVINCE
Tên mẫu/ Sample: NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỒ SUNG GA - VĨNH HẢO (1)
Ngày lấy mẫu: 06/06/2016
Date of sample collecting: June 06th, 2016
Lượng mẫu: 06 chai x 450 mL
Quantity of sample: 06 bottles x 450 mL
Ngày nhận mẫu: 06/06/2016
Date of sample receiving: June 06th, 2016
Người gửi mẫu: Lê Ngọc Lâm
Sample sender: Lam Ngoc Le
Người nhận mẫu: Nguyễn Thị Xuân Diễm
Sample receiver: Xuan Diem Thi Nguyen
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả
Sample's storing period: 05 days from the date which test report is issued

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Ngày kiểm nghiệm Testing date
1	Coliforms tổng cộng Total Coliforms	ISO 9308-1:2000/Cor 1:2007 (b)	0 CFU/250 mL	June 08 th , 2016
2	Escherichia coli	ISO 9308-1:2000/Cor 1:2007 (b)	0 CFU/250 mL	June 08 th , 2016
3	Streptococci faecal	ISO 7899-2:2000(E) (b)	0 CFU/250 mL	June 08 th , 2016
4	Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (b)	0 CFU/250 mL	June 08 th , 2016
5	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite The spores of sulfite - reducing anaerobes (Clostridia)	TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986) (b)	0 CFU/50 mL	June 08 th , 2016

Ghi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

This test result is valid for the sample only.

- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

The Institute of Public Health will not be responsible for any customer's complaints after this sample's storing period is expired.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

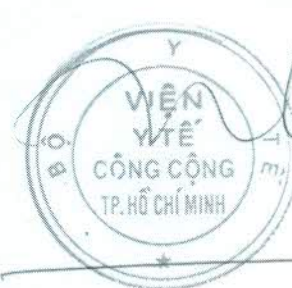
(b) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025 : 2005 and Ministry of Health, Ministry of Industry and Trade is appointed circular 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
HEAD OF TESTING DEPARTMENT

Th.s. Lê Thị Ngọc Hạnh

Ho Chi Minh City, June 16th, 2016

ƯT. VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR



Phùng Đức Nhật



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 09146.16



Tên khách hàng/ Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Địa chỉ/ Address: THÔN VĨNH SƠN, XÃ VĨNH HẢO, HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN
VINH SON HAMLET, VINH HAO COMMUNE, TUY PHONG DISTRICT, BINH THUAN
PROVINCE.

Tên mẫu/ Sample: NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN BỒ SUNG GA - VĨNH HẢO (1)

Ngày lấy mẫu/ Date of sample collecting: 06/06/2016/ June 06th, 2016

Lượng mẫu/ Quantity of sample: 06 chai x 450 mL/ 06 bottles x 450 mL

Ngày nhận mẫu/ Date of sample receiving: 06/06/2016/ June 06th, 2016

Người gửi mẫu/ Sample sender: Lam Ngoc Le

Người nhận mẫu/ Sample receiver: Xuan Diem Thi Nguyen

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

Sample's storing period: 05 days from the date which test report is issued

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Ngày kiểm nghiệm Testing date
1	Flo (F) Fluoride	HD.PP.83/KXN.LH (Ref. EPA 300.1, 1999) (a)	8.65 mg/L	June 08 th , 2016
2	Crom tổng (Cr) Total Chromium	Ref.SMEWW 3500 - Cr B - 2012	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.01 mg/L	June 13 th , 2016
3	Mangan (Mn) Manganese	SMEWW 3500- Mn B - 2012 (b)	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.05 mg/L	June 13 th , 2016
4	Nitrate (NO ₃ ⁻) Nitrate	HD.PP.83/KXN.LH (Ref. EPA 300.1, 1999) (a)	7.80 mg/L	June 08 th , 2016
5	Nitrite (NO ₂ ⁻) Nitrite	HD.PP.83/KXN.LH (Ref. EPA 300.1, 1999) (a)	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.04 mg/L	June 08 th , 2016
6	Cyanua (CN ⁻) Cyanide	Journal of Chromatography A, 1155 (2007, 31-39, USA)	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.005 mg/L	June 08 th , 2016
7	Chì (Pb) Lead	SMEWW 3113 B - 2012 (a)	0.0093 mg/L	June 10 th , 2016
8	Cadimi (Cd) Cadmium	SMEWW 3113 B - 2012 (a)	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.0004 mg/L	June 10 th , 2016

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Ngày kiểm nghiệm Testing date
9	Đồng (Cu) Copper	SMEWW 3500-Cu -2012 (Flame - AAS)	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.05 mg/L	June 13 th , 2016
10	Arsen (As) Arsenic	HD.PP.17/TT.AAS-Ref. SMEWW 3114C - 2012 (a)	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.0003 mg/L	June 11 th , 2016
11	Boron (bao gồm Borat và Axit boric) Boron (Borate & Boric Acid)	HD.PP.19/TT.AAS-Ref. SMEWW 3120B - 2005	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.010 mg/L	June 11 th , 2016
12	Bari (Ba) Barium	HD.PP.19/TT.AAS-Ref. SMEWW 3120B - 2005	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.010 mg/L	June 11 th , 2016
13	Thủy ngân (Hg) Mercury	HD.PP.18/TT.AAS-Ref. SMEWW 3112B - 2012	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.0003 mg/L	June 11 th , 2016
14	Nickel (Ni) Nickel	HD.PP.19/TT.AAS-Ref. SMEWW 3120B - 2005	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.010 mg/L	June 11 th , 2016
15	Antimon (Sb) Antimony	HD.PP.21/TT.AAS-Ref. SMEWW 3125B - 2012	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.0005 mg/L	June 11 th , 2016
16	Selen (Se) Selenium	HD.PP.17/TT.AAS-Ref. SMEWW 3114C - 2012	Không phát hiện Not detected MLOD = 0.0005 mg/L	June 11 th , 2016

Ghi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

This test result is valid for the sample only.

- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

The Institute of Public Health will not be responsible for any customer's complaints after this sample's storing period is expired.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025 : 2005.

(a) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025 : 2005.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

(b) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025 : 2005 and is appointed by Ministry of Health, Ministry of Industry circular 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
HEAD OF TESTING DEPARTMENT**

Phan Long Hồ

Th.s. Phan Long Hồ

Ho Chi Minh City, June 16th, 2016

W. VIEN TRƯỞNG
**VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR**



Phùng Đức Nhật



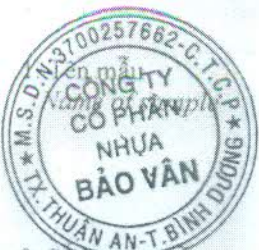
QUATEST 3®

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-01648HD6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2016
Page 01/03



: CHAI NHỰA PET : 200 mL ; 205 mL, 250 mL, 330 mL, 335 mL
350 mL ; 355 mL ; 360 mL, 375 mL, 390 mL, 400 mL ; 500 mL ; 520
mL ; 550 mL, 560 mL ; 580 mL ; 600 mL, 650 mL ; 700 mL, 715 mL,
750 mL, 800 mL, 880 mL, 1L, 1,25L, 1,5L, 1,8L, 2L, 4L, 4,7L, 5L,
10L, 500 mL green

2. Số lượng mẫu
Quantity

: 01

3. Mô tả mẫu
Description

: Chai nhựa trong suốt không màu
Plastic bottles

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving

: 17/06/2016

5. Nơi gửi mẫu
Customer

: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BẢO VÂN
Số 99/2 Khu Phố Bình Đáng, Thuận An, Bình Dương

6. Thời gian thử nghiệm
Test period

: 18/06/2016 – 30/06/2016

7. Kết quả thử nghiệm
Test result

: Xem trang 02/03 – 03/03
See page

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
FOR HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LABORATORY

Nguyễn Thị Thùy Nhi

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Lương Thanh Uyên

The test results are valid only for the samples tested and the results are not valid for the samples not tested.
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm và không có giá trị đối với các mẫu không thử nghiệm.
The test results are valid only for the samples tested and the results are not valid for the samples not tested.
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm và không có giá trị đối với các mẫu không thử nghiệm.
The test results are valid only for the samples tested and the results are not valid for the samples not tested.
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm và không có giá trị đối với các mẫu không thử nghiệm.

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIET NAM Tel: (84-8) 3829 4274 Fax: (84-8) 3829 3042 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Bàu Hòa Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-61) 383 6212 Fax: (84-61) 383 6298 E-mail: gi-dien-vu@quatest3.com.vn
Liên hệ khác: 4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

0/06/2016
Page 02/03

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức yêu cầu/ require ment (*)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1 Định danh nhựa / Identification of polymer		ASTM E 1252 - 98	-	Polyalkyl terephthalate (**)
THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST				
7.2 Hàm lượng chì/ Lead content	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 1, mục 1	≤ 100	< 5,0
7.3 Hàm lượng cadimi/ Cadmium content	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 1, mục 1	≤ 100	< 5,0
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST				
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 1	≤ 1	< 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước cất sau 30 phút ở 60 °C/ KMnO ₄ consumption in distilled water after 30 min at 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 2	≤ 10	< 1
7.6 Hàm lượng antimon trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ Antimony content in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 6	≤ 0,05	< 0,02
7.7 Hàm lượng germani trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ Germanium content in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 7	≤ 0,1	< 0,02
7.8 Hàm lượng cặn khô / Evaporation residue,		QCVN 12-1 : 2011/BYT Phụ lục 2, mục 5		
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ In heptan after 60 min at 25 °C	µg/mL		≤ 30	< 5,0
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C	µg/mL		≤ 30	< 5,0
• Trong nước cất sau 30 phút ở 60 °C/ In distilled water after 30 min at 60 °C	µg/mL		≤ 30	< 5,0
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C	µg/mL		≤ 30	< 5,0



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Hanoi Office: 49 Phố, Q1, 418 Chi Minh City, VIỆT NAM
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa Industrial Zone, Đồng Nai

Tel: (84-8) 3829 4274
Tel: (84-61) 383 6212

Fax: (84-8) 3829 3012
Fax: (84-61) 383 6208

www.quatest3.com.vn
quatest3@quatest3.com.vn

17840
NG TY
PHÂN
KHOA
H H
VG-T.BIN

662-
TY
PHÂN
HUA
AOV
N AN

KT3-01648HD6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Ghi chú/ Note: (*) - Theo Yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT / According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT

(**) Polyethyleneterephthalate thuộc nhóm polyalkylterephthalate.

Nhận xét/ Comment:

Mẫu nhận thử có kết quả thử nghiệm phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1: 2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm" / The test results of the submitted sample were found satisfy the technical specification of QCVN 12-1: 2011/BYT "National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods"

H



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Phạm Văn Chí, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh (VN), VIỆT NAM
Tel: (84-8) 3529 4274 Fax: (84-8) 3529 3012
Email: info@quatest3.com.vn

Branch: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai
Tel: (84-61) 383 6212 Fax: (84-61) 383 6248

Website: www.quatest3.com.vn



CERTIFICATE OF ANALYSIS

LIME FLAVOR A1182689

Customer : MASAN CONSUMER CORPORATION
Lot No : 116BE824
Production Date : 28 July 2016
Best Before : 28 July 2017

Additional Information

Order Confirmation :
Storage Temperature : 15°C < T < 25°C

Analysis Data	Result	Standard
Odor / Taste	Conform	MANE Standard
Appearance	Conform	MANE Standard
Color	Conform	Colorless - Light Yellow
Specific Gravity 20/20°C	0.8148	0.795 - 0.835
Refractive Index at 20°C	1.3675	1.351 - 1.381
Flash point °C	17	17

PT. MANE INDONESIA
FRAGRANCES & FLAVORS
QUALITY CONTROL

Printing date : 05 August 2016

PT. MANE INDONESIA, Cikarang Industrial Estate Jl. Jababeka XVI, Kavling Blok V-66 Cikarang
Bekasi 17530 - Indonesia Tel. (62-21) 893 7640 Fax. (62-21) 8936485



SAMJUNG

HEAD OFFICE

82, Yongsu-gang-ro, 114 Heon-gil, Eumseong-eup, Eumseong-gun,

Chungcheongbuk-do, 369-804 Korea

TEL 043-872-4121 FAX 043-872-3383

www.samjungflavor.co.kr

FACTORY

82, Yongsu-gang-ro, 114 Heon-gil, Eumseong-eup, Eumseong-gun,
Chungcheongbuk-do, 369-804 Korea
TEL 043-872-4121 FAX 043-872-3383

www.samjungflavor.co.kr

Certificate of Analysis / Quality

PRODUCT : LEMON FLAVOR (FOOD GRADE)
PRODUCT NO. : SJV13030
BATCH NUMBER : 0160721031
PRODUCTION DATE : 21th of July, 2016

Appearance	: light yellow - dark yellow cleared liquid, taste and smell of l	Result complies
Specific Gravity(20℃)	: 0.920 - 0.960	0.942
Refractive Index(20℃)	: 1.3815 - 1.4215	1.4025
Arsenic (as As ₂ O ₃)	: less than 1 ppm	complies
Lead and Heavy metals (as pb)	: less than 10 ppm	complies
Temp. of stockroom (℃)	: 15-25℃, Avoid exposure to direct sunlight or heat.	
Shelf life	: 12 months form the production date in the original unopened container.	
Packing material	: Poly ethylene bottle	
Packing unit	: Box:20kg/box(2EA X 10kg/drum), Drum:10kg/drum	
Ingredient		FEMA NO.
	Lemon oil	7.76 % 2625
	Lime oil	2.82 % --
	beta-pinene	1.15 % 2903
	d-Limonene	10.35 % 2633
	gamma-Terpinene	0.98 % 3559
	Terpinolene	1.79 % 3046
	Citral	2.33 % 2303
	alpha-Terpineol	0.61 % 3045
	Isopropyl alcohol	20 % 2929
	Propylene glycol	52.21 % 2940

Date : 21.07.2016

Laboratory of quality control
Hyun-joo Choi



SAMJUNG FLAVOR
Bring nature to your body